Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 5906.91.00

Mã HS	5906.91.00
Mô tả hàng hóa	Vải dệt cao su hóa, trừ các loại thuộc nhóm 59.02 / - Loại khác: / - - Vải dệt kim hoặc vải móc
Đơn vị	kg/m/m2
Thời điểm tạo	06/11/2026 01:03:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/59069100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K9035
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N9035
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q9035
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E8617
ATIGA	2022	2022	0	AT!E8572
ATIGA	2023	2023	0	AT!F8572
ATIGA	2024	2024	0	AT!G8572
ATIGA	2025	2025	0	AT!H8572
ATIGA	2026	2026	0	AT!I8572
ATIGA	2027	2027	0	AT!J8572
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E8622
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F8622

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G8622
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H8622
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I8622
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J8622
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E8623
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F8623
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G8623
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H8623
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I8623
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J8623
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F8624
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H8578
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F8584
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G8584
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H8584
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I8584
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J8584
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K8584
VKFTA	2022	2022	0	VK!E8607
VKFTA	2023	2023	0	VK!F8607
VKFTA	2024	2024	0	VK!G8607
VKFTA	2025	2025	0	VK!H8607
VKFTA	2026	2026	0	VK!I8607
VKFTA	2027	2027	0	VK!J8607
VCFTA	2022	2022	2	VC!D8654
VCFTA	2023	2023	1	VC!E8654

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F8654
VCFTA	2025	2025	0	VC!G8654
VCFTA	2026	2026	0	VC!H8654
VCFTA	2027	2027	0	VC!I8654
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D8634
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E8634
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F8634
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G8634
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H8634
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I8634
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D8647
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E8647
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F8647
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G8647
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H8647
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I8647
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D8651
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E8651
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F8651
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G8651
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H8651
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I8651
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D8650
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E8650
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F8650
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G8650

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H8650
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I8650
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D8602
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E8602
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F8602
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G8602
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H8602
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I8602
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J8602
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D8639
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E8639
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F8639
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G8639
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H8639
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I8639
RCEP B	2022	2022	0	B!D8639
RCEP B	2023	2023	0	B!E8639
RCEP B	2024	2024	0	B!F8639
RCEP B	2025	2025	0	B!G8639
RCEP B	2026	2026	0	B!H8639
RCEP B	2027	2027	0	B!I8639
RCEP C	2022	2022	0	C!D8639
RCEP C	2023	2023	0	C!E8639
RCEP C	2024	2024	0	C!F8639
RCEP C	2025	2025	0	C!G8639
RCEP C	2026	2026	0	C!H8639

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I8639
RCEP D	2022	2022	0	D!D8638
RCEP D	2023	2023	0	D!E8638
RCEP D	2024	2024	0	D!F8638
RCEP D	2025	2025	0	D!G8638
RCEP D	2026	2026	0	D!H8638
RCEP D	2027	2027	0	D!I8638
RCEP E	2022	2022	0	E!D8642
RCEP E	2023	2023	0	E!E8642
RCEP E	2024	2024	0	E!F8642
RCEP E	2025	2025	0	E!G8642
RCEP E	2026	2026	0	E!H8642
RCEP E	2027	2027	0	E!I8642
RCEP F	2022	2022	0	F!D8639
RCEP F	2023	2023	0	F!E8639
RCEP F	2024	2024	0	F!F8639
RCEP F	2025	2025	0	F!G8639
RCEP F	2026	2026	0	F!H8639
RCEP F	2027	2027	0	F!I8639
VIFTA	2024	2024	8.6	VI!F7977
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G7977
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H7977
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I7977

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5906.91.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 5906.91.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N9035), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.